

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC LÂM

NỘI DUNG ÔN TẬP, KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC KHỐI 3- NĂM HỌC 2024- 2025

I. MÔN TOÁN

1. Kiến thức về số và phép tính

- Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10 000, 100 000; cấu tạo thập phân của số có 5 chữ số, nhận biết số tròn nghìn, tròn mười nghìn.
- Nhận biết được các số La Mã và viết được các số trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
- Biết so sánh số trong phạm vi 100 000, xác định số lớn nhất hoặc bé nhất trong nhóm không quá 4 số.
- Biết làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, trong nghìn, trong mười nghìn.
- Biết thực hiện phép cộng, phép trừ (có nhớ không quá 2 lượt) các số có đến 5 chữ số.
- Vận dụng được các bảng nhân, chia 2,3, ... 9 trong thực hành tính. Thực hiện nhân chia với số có một chữ số.
- Tính được giá trị biểu thức số có dấu ngoặc đơn và có dấu ngoặc kép. Tìm được thành phần chưa biết của phép tính.
- Biết giải bài toán có hai bước tính (trong phạm vi phép tính, số đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính, liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính (VD: gấp/giảm một số lên một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, ...)

2. Đại lượng, thống kê và xác suất

- 2.1. Thực hiện tính, đổi tính toán với số đo độ dài (m, dm, cm, mm); diện tích cm^2 ; đơn vị đo khối lượng (kg, g); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm), tiền Việt Nam đã học.
- 2.2. Đọc và mô tả các số liệu ở dạng bảng; Nêu và nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
- 2.3. Nhận biết và mô tả được các khả năng có thể xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện.

3. Hình học

- 3.1. Nhận biết được tâm, đường kính, bán kính của hình tròn; một số yếu tố cơ bản như đỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
- 3.2. Tính được chu vi hình tam giác, tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông; Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

II. TIẾNG VIỆT

1. PHẦN ĐỌC: 10 điểm

1.1. Đọc tiếng các bài tập đọc văn bản ngoài SGK (4 điểm)

- Đọc đoạn (70 - 80 tiếng/1 phút): 3 điểm
- Trả lời câu hỏi về nội dung văn bản: 1 điểm

1.2. Đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (6 điểm):

*** Hiểu nội dung văn bản đọc** (ngữ liệu văn bản ngoài chương trình SGK)

- Nhận biết được ý, nội dung, điều tác giả muốn nói và vận dụng (bài học rút ra, ...)

*** Kiến thức Tiếng Việt**

- Từ ngữ chủ điểm (*Núi rừng, Đất nước và Lễ hội*)
- Biết đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào? Ở đâu? Bằng gì? Để làm gì?*
- Biết phân biệt *câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến*
- Biết và sử dụng *dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm*.
- Nhận biết được biện pháp tu từ so sánh trong văn/thơ

2. PHẦN VIẾT: 10 điểm (Viết ra giấy kiểm tra)

2.1. Nghe – viết (4 điểm):

- Nghe viết đúng chính tả đoạn văn,/đoạn thơ một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ/15 phút; Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định về trình bày đoạn/thơ

2.2. Viết đoạn văn (6 điểm): Viết đoạn văn ngắn khoảng 5 đến 7 câu:

*** Viết về ước mơ của em**

*** Nêu tình cảm xúc của em về một cảnh đẹp của đất nước**

*** Yêu cầu:** HS biết trình bày thành đoạn, viết câu đủ ý, đúng nội dung, các câu có sự liên kết; Khuyến khích HS sử dụng câu văn có hình ảnh so sánh, bộc lộ cảm xúc.

III. MÔN CÔNG NGHỆ

1. Hình thức kiểm tra:

1.1. Lý thuyết (3 điểm) làm bài trên máy tính (tại phòng máy, sử dụng tài khoản học sinh) theo hình thức trắc nghiệm 6 câu.

1.2. Thực hành: (7 điểm) HS làm 1 sản phẩm tại lớp trong thời gian 35 phút

2. Phạm vi kiến thức: Dụng cụ và vật liệu làm thủ công; Làm đồ dùng học tập; Làm biển báo giao thông; Làm đồ chơi.

3. Kỹ năng

- Lựa chọn được sản phẩm làm thủ công đúng yêu cầu.
- Sử dụng được các dụng cụ để làm sản phẩm đúng cách theo yêu cầu
- Hoàn thành các sản phẩm đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, thẩm mỹ.



Đào Thị Phương Hoa

Bồ Đề, ngày 14 tháng 4 năm 2025

KHÔI TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan Phương